

**I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ****1. Nội dung kiến thức trọng tâm:** bài 2, 3, 4, 5.**2. Câu hỏi tham khảo****A. Trắc nghiệm****Bài 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn****Câu 1.** Những tấm bia ghi tên người đỗ Tiến sĩ thời xưa ở Văn Miếu (Hà Nội) thuộc loại tư liệu lịch sử nào?

A. Tư liệu chữ viết.

B. Tư liệu truyền miệng.

C. Tư liệu hiện vật.

D. Cả tư liệu hiện vật và chữ viết.

Câu 2. Các truyền thuyết như: Con Rồng cháu Tiên, Thánh Gióng, Sơn Tinh - Thủy Tinh... thuộc loại hình tư liệu nào?

A. Tư liệu truyền miệng.

B. Tư liệu hiện vật.

C. Tư liệu chữ viết.

D. Tư liệu gốc.

Câu 3. Cho sự kiện sau: Năm 3200 TCN nhà nước Ai Cập cổ đại ra đời. Em hãy cho biết, sự kiện này xảy ra cách năm hiện tại (2026) bao nhiêu năm?

A. 2036 năm.

B. 2126 năm.

C. 3026 năm.

D. 5226 năm.

Câu 4. Quá trình tiến hóa từ Vượn người thành người trải qua mấy giai đoạn? Đó là:

A. Hai giai đoạn, từ Người tối cổ sang Người tinh khôn

B. Hai giai đoạn, từ Vượn người thành Người tối cổ

C. Ba giai đoạn, từ Vượn Người phát triển thành Người tinh khôn và biến đổi thành Người tối cổ

D. Ba giai đoạn, từ Vượn Người phát triển thành Người tối cổ và biến đổi thành Người tinh khôn

Câu 5. Tổ chức xã hội đầu tiên của Người tối cổ là gì?

A. Thị tộc

B. Bộ lạc

C. Công xã

D. Bảy người nguyên thủy

Câu 6. Trong tổ chức xã hội nguyên thủy, người đứng đầu Thị tộc thường được gọi là gì?

A. Thủ trưởng

B. Vua

C. Thủ lĩnh quân sự

D. Tộc trưởng

Câu 7. Đời sống vật chất của Người tinh khôn được cải thiện rõ rệt nhờ việc chuyển đổi sang cách thức lao động nào sau đây?

A. Săn bắn và hái lượm

B. Làm công cụ bằng kim loại

C. Đánh cá bằng lưới

D. Trồng trọt và chăn nuôi

Câu 8. Địa bàn cư trú chủ yếu của Người tối cổ là ở đâu?

A. Làm nhà bằng gỗ chắc chắn

B. Dựng lều bên sông lớn

C. Sống trong hang động, mái đá tự nhiên

D. Làng xóm ven biển

Câu 9. Đời sống tinh thần của người nguyên thủy được thể hiện qua hoạt động nào sau đây?

A. Xây dựng cung điện

B. Tổ chức tế lễ lớn

C. Vẽ tranh trên vách đá, làm đồ trang sức

D. Viết chữ trên giấy

Câu 10. Công xã thị tộc là hình thức tổ chức xã hội của:

A. vượn người.

B. Người tối cổ.

C. Người tinh khôn.

D. người vượn.

Câu 11. Nhiều thị tộc họ hàng, sống cạnh nhau đã tạo thành:

A. bảy người nguyên thủy.

B. bộ lạc.

C. nhà nước.

D. xóm làng.

Câu 12. Đặc điểm nào sau đây thể hiện đời sống vật chất của người nguyên thủy trong giai đoạn công xã thị tộc:

A. Có sự phân công lao động và cùng chăm sóc con cái.

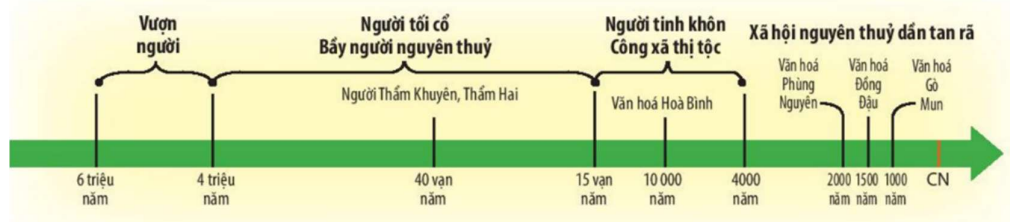
B. Sống trong hang động.

C. Tìm kiếm nguồn thức ăn dựa vào săn bắt, hái lượm.

D. Biết trồng trọt, chăn nuôi, dệt vải và làm gốm.

Bài 2. Câu trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1. Cho sơ đồ sau và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý A, B, C, D.



- A. Quá trình tiến hóa từ Vượn người thành người đã diễn ra cách đây hàng nghìn năm.
B. Người tối cổ thường xuyên đi, đứng thẳng bằng hai chân, hai chi trước thành hai tay, có thể cầm nắm, thể tích sọ não lớn hơn.
C. Dấu tích người tối cổ đã được tìm thấy ở khắp Đông Nam Á.
D. Ở Việt Nam cũng đã phát hiện răng của Vượn người ở Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (tỉnh Lạng Sơn).

Câu 2. Cho bảng thông tin sau và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý A, B, C, D.

	Bầy người nguyên thủy	Công xã thị tộc
Dạng người	Người tối cổ	Người tinh khôn Hình thành ba chủng tộc lớn: da vàng, da trắng và da đen.
Đời sống vật chất	Sống trong hang, động, dựa vào săn bắt và hái lượm.	Biết trồng trọt, chăn nuôi, dệt vải và làm gốm.
Tổ chức xã hội	Sống thành bầy, có người đứng đầu, có sự phân công lao động và cùng chăm sóc con cái.	Công xã thị tộc gồm 2, 3 thế hệ, có cùng dòng máu, làm chung và hưởng chung.
Đời sống tinh thần	Biết làm đồ trang sức, vẽ tranh trên vách đá,...	Biết làm đồ trang sức tinh tế hơn, làm tượng bằng đá hoặc đất nung,... Đã có tục chôn người chết và đời sống tâm linh.

▲ Bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy trên thế giới

- A. Người tối cổ chủ yếu sống trong các hang động, mái đá, dựa vào săn bắt, hái lượm
B. Bầy người nguyên thủy chưa có tổ chức, chưa có người đứng đầu.
C. Người tinh khôn biết trồng rau, trồng lúa, chăn nuôi gia súc, làm đồ gốm, dệt vải
D. Đời sống tinh thần của bầy người nguyên thủy rất phong phú. Họ đã biết chôn người chết và thờ thần linh

Bài 3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1. Có những tư liệu lịch sử nào?

Câu 2. Muốn hiểu và dựng lại lịch sử cần phải làm gì?

Câu 3. Thiên niên kỉ là bao nhiêu năm?

Câu 4. Cách tính thời gian theo sự di chuyển của Mặt Trời gọi là?

Câu 5. Loài Vượn người sống cách đây bao lâu?

Câu 6. Người tối cổ xuất hiện cách đây bao lâu?

Câu 7. Ở Việt Nam đã tìm thấy những di cốt nào của Người tối cổ?

Câu 8. Xã hội nguyên thủy trải qua các giai đoạn nào?

Câu 9. Trong giai đoạn bầy người nguyên thủy, chủ yếu là dạng người nào?

Câu 10. Trong giai đoạn công xã thị tộc, chủ yếu là dạng người nào?

II. Tự luận

Câu 1. Đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của Người tinh khôn có những điểm nào tiến bộ hơn so với Người tối cổ?

Câu 2. Hãy so sánh điểm khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn theo các tiêu chí: thời gian xuất hiện, dáng đứng, thể tích hộp sọ, công cụ lao động chủ yếu.

Câu 3. Các sự kiện dưới đây xảy ra cách năm hiện tại bao nhiêu năm?

1. Thục Phán lập ra nước Âu Lạc vào khoảng năm 208 TCN.
2. Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán năm 938.
3. Nền văn hóa Phùng Nguyên (Bắc bộ Việt Nam) có niên đại khoảng 2000 TCN.

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

1. Nội dung kiến thức trọng tâm

Bài 1. Hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí.

Bài 2. Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. Phương hướng trên bản đồ.

Bài 3. Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ.

Bài 4. Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ (Tiết 1,2)

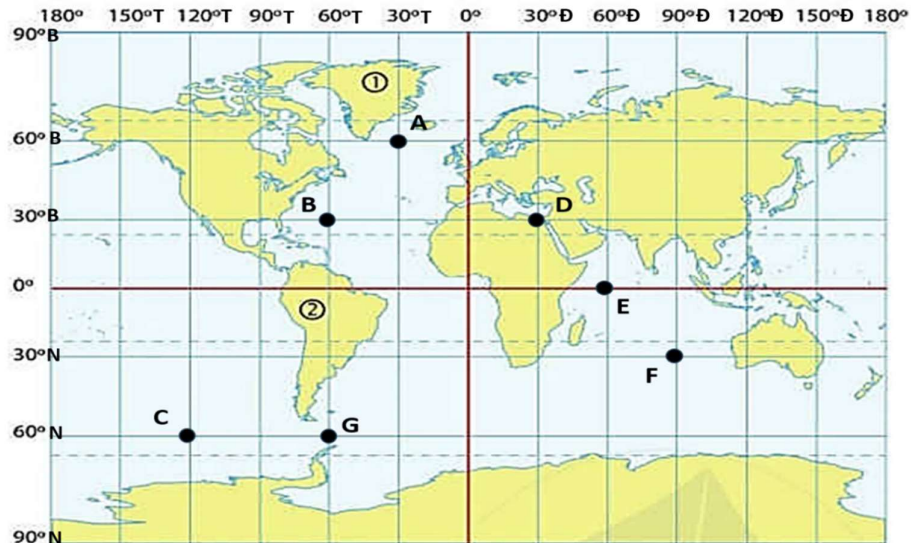
2. Bài tập, câu hỏi tham khảo

A. Trắc nghiệm

Bài 1. Dạng câu hỏi đúng sai

Quan sát hình 1. Lược đồ các châu lục trên thế giới và cho biết các nhận định sau đúng hay sai?

Nhận định	Đáp án
1. Điểm D nằm hoàn toàn trên bán cầu Nam của Trái Đất	
2. Điểm E có kinh độ là 60^0 Tây	
3. Điểm E nằm ở nửa cầu Đông của Trái Đất	
4. Điểm A nằm ở nửa cầu Bắc của Trái Đất	
5. Vĩ độ của điểm A là 30^0 Bắc	
6. Điểm B có kinh độ là 60^0 Tây	
7. Điểm D có vĩ độ là 30^0 Nam	
8. Điểm F nằm ở nửa cầu Bắc của Trái Đất	



Hình 1. Lược đồ các châu lục trên thế giới

Bài 2. Dạng câu hỏi trả lời ngắn

Câu 1. Quan sát Hình 1. Lược đồ các châu lục trên thế giới, hãy cho biết các hướng sau:

Hướng	Từ B đến D	Từ B đến G	Từ A đến B	Từ E đến D
Đáp án				

Hướng đi	Từ C đến G	Từ G đến C	Từ G đến B	Từ E đến F
Đáp án				

Bài 3. Dạng câu hỏi nhiều đáp án lựa chọn (Chọn đáp án đúng nhất trong các câu)

Câu 1. Vĩ tuyến gốc là vĩ tuyến nào dưới đây?

A. 0^0

B. 45^0

C. 60^0

D. 90^0

Câu 2. Kinh tuyến là gì?

A. Những vòng tròn bao quanh quả Địa Cầu, song song với đường Xích đạo.

B. Nửa đường tròn nối liền hai cực Bắc và Nam trên bề mặt quả Địa Cầu.

C. Các đường thẳng chia bề mặt Trái Đất thành các múi giờ bằng nhau.

D. Những đường nối từ tâm Trái Đất ra đến các địa điểm trên bề mặt lớp vỏ.

Câu 3. Kinh tuyến gốc là kinh tuyến nào dưới đây?

- A. 0^0 B. 45^0 C. 60^0 D. 90^0

Câu 4. Các vòng tròn bao quanh trên quả Địa Cầu và vuông góc với các đường kinh tuyến được gọi là gì?

- A. Đường vĩ tuyến B. Đường kinh tuyến C. Cực Bắc D. Cực Nam

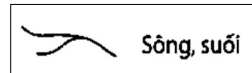
Câu 5. Muốn xác định phương hướng trên bản đồ ta cần phải dựa vào:

- A. đường Xích đạo B. tỉ lệ bản đồ
C. bảng chú giải D. đường kinh tuyến và vĩ tuyến

Câu 6. Bản đồ là gì?

- A. Hình vẽ mô tả toàn bộ bề mặt Trái Đất ở dạng hình cầu thu nhỏ.
B. Hình vẽ thu nhỏ của một phần hoặc toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học.
C. Bức tranh phác thảo tự do địa hình và các đối tượng tự nhiên trên thực địa.
D. Hình vẽ mô phỏng các vì sao và quỹ đạo chuyển động trong Hệ Mặt Trời.

Câu 7. Cho biết kí hiệu sau:



thuộc loại kí hiệu nào?

- A. Kí hiệu điểm B. Kí hiệu đường
C. Kí hiệu diện tích D. Kí hiệu chữ

Câu 8. Cho biết kí hiệu sau:



thuộc loại kí hiệu nào?

- A. Kí hiệu điểm B. Kí hiệu đường
C. Kí hiệu diện tích D. Kí hiệu chữ

Câu 9. Đường nối Cực Bắc với Cực Nam trên quả Địa cầu gọi là gì?

- A. Đường vĩ tuyến B. Đường kinh tuyến C. Cực Bắc D. Cực Nam

Câu 10. Dựa vào tỉ lệ bản đồ, ta có thể biết được thông tin nào sau đây?

- A. Mức độ thu nhỏ độ dài giữa các đối tượng trên bản đồ so với thực tế là bao nhiêu.
B. Mức độ phóng to độ dài giữa các đối tượng trên bản đồ so với thực tế là bao nhiêu.
C. Các đối tượng địa lí thể hiện trên bản đồ.
D. Tọa độ địa lí của các điểm trên bản đồ.

Câu 11. Cho biết 1cm trong thước tỉ lệ dưới đây, mỗi đoạn 1cm tương ứng với bao nhiêu km ngoài thực tế?



- A. 1 km B. 4km C. 10 km D. 40km

B. Bài tập

Câu 1. Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1:4 000 000, khoảng cách từ thành phố Hà Nội đến Thanh Hóa là 4cm. Hỏi khoảng cách ngoài thực tế từ Hà Nội đến Thanh Hóa là bao nhiêu km?

.....
.....
.....

Câu 2. Quan sát hình 1. Lược đồ các châu lục trên thế giới, viết tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D, E, F.

.....
.....

Chúc các con ôn tập và làm bài kiểm tra đạt kết quả cao!